

QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ TÁC ĐỘNG ĐẾN VĂN HÓA GIA ĐÌNH NGƯỜI CHĂM BÀLAMÔN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

THE IMPACT OF INTERNATIONAL INTEGRATION ON CHAM BÀLAMÔN FAMILY CULTURE IN VIETNAM TODAY

TRỊNH THỊ NHÀI(*) và NGUYỄN PHƯƠNG THẢO(**)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 14-11-2023 Ngày biên tập xong: 25-11-2023 Ngày duyệt đăng: 18-01-2024 Mã số: TCKH43-01-2023 ISSN: 2525 – 2429	Việt Nam đã và đang bước vào giai đoạn hội nhập quốc tế sâu sắc và toàn diện. Quá trình đó đã tác động làm thay đổi nhanh chóng về mọi mặt đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người dân Việt Nam nói chung và người Chăm Bàlamôn nói riêng. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi phân tích những thay đổi trong văn hóa gia đình người Chăm Bàlamôn dưới tác động của quá trình hội nhập quốc tế, từ đó, đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm giữ gìn, phát huy văn hóa gia đình của dân tộc này.
Từ khóa: hội nhập quốc tế; gia đình; Chăm Bàlamôn; Việt Nam. Key words: international integration; family; Cham Balamon; Vietnam.	ABSTRACT: Vietnam has been entering a period of deep and comprehensive international integration. That process has had an impact on rapidly changing all aspects of the economic, cultural and social life of the Vietnamese people in general and the Cham Bàlamôn in particular. Within the framework of this article, we analyze changes in Cham Bàlamôn family culture under the impact of the international integration process, from there, propose basic solutions to preserve and promote culture family of this nation

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quá trình hội nhập quốc tế là xu hướng tất yếu của tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay. Quá trình đó tác động đến nhiều khía cạnh từ kinh tế, xã hội đến đời sống văn hóa của người dân. Bên cạnh những tác động tích cực, quá trình hội nhập quốc tế cũng bộc lộ những tồn tại, tác động không tích cực đến kinh tế, xã hội, văn hóa... Là một cộng đồng trong dân tộc Việt Nam, người Chăm Bàlamôn hiện nay muốn

phát triển cần hội nhập quốc tế về lĩnh vực kinh tế, văn hóa. Cũng trong quá trình hội nhập quốc tế này, các thành tố của văn hóa gia đình người Chăm Bàlamôn thể hiện sự biến đổi đan xen với sự mâu thuẫn giữa cái cũ, cái mới. Những điều này là một thách thức lớn đối với gia đình người Chăm Bàlamôn trong việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa gia đình truyền thống.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận

(*) TS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, trịnhthinhai@hcmussh.edu.vn

(**) ThS. Trường Đại học Tôn Đức Thắng, nguyenvphuongthao@tdtu.edu.vn

Khái niệm văn hóa

Định nghĩa văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra năm 1943 như sau: “*Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn*” [5, tr.458].

Từ điển Triết học định nghĩa văn hóa: “*là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra trong quá trình thực tiễn xã hội - lịch sử và tiêu biểu cho trình độ đạt được trong lịch sử phát triển xã hội. Theo nghĩa hẹp hơn, người ta vẫn quen nói về văn hóa vật chất (kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, giá trị vật chất) và văn hóa tinh thần (khoa học, nghệ thuật và văn học, triết học, đạo đức, giáo dục,...). Văn hóa là một hiện tượng lịch sử, phát triển phụ thuộc vào sự thay thế các hình thái kinh tế - xã hội*” [8, tr.656].

Từ những định nghĩa trên có thể khái quát văn hóa bao hàm toàn bộ giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình sản xuất.

Khái niệm gia đình

Trần Đình Hượu đã định nghĩa rằng: “*Gia đình là một tổ chức rất xa xưa, bắt nguồn từ quan hệ nam nữ, từ việc sinh con đẻ cái rất tự nhiên, về sau trong lịch sử mới thay đổi thích ứng với những phương thức sản xuất, với cơ chế chính trị - xã hội, với nền văn hóa*” [2, tr.310].

Vũ Ngọc Khánh đã cho rằng: “*Gia đình là một tổ chức cơ sở gồm những người liên kết với nhau bằng huyết thống và tình nghĩa. Huyết thống thì đã rõ, nhưng tình nghĩa thì cũng rất quan trọng. Hai vợ chồng không chung huyết thống, chỉ vì tình nghĩa gắn bó với nhau. Có vợ chồng tuy không có con đẻ, có thể nuôi con nuôi*” [3, tr.15].

Từ điển Triết học định nghĩa: “*Là đơn vị xã hội (nhóm xã hội nhỏ), hình thức tổ chức quan trọng nhất của sinh hoạt cá nhân, dựa trên hôn nhân và các quan hệ huyết thống, tức là quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em và những người thân thuộc khác cùng chung sống và có kinh tế chung. Đặc trưng của sinh hoạt gia đình là các quá trình vật chất (sinh vật, kinh tế) và tinh thần (đạo đức, pháp lý, tâm lý). Gia đình là một phạm trù lịch sử. Các hình thức và chức năng của nó là do tính chất của quan hệ sản xuất hiện có, của quan hệ xã hội nói chung cũng như của trình độ phát triển văn hóa của xã hội quyết định. Theo quy tắc liên hệ ngược thì gia đình có ảnh hưởng đến đời sống xã hội (sinh con đẻ cái, lao động trong kinh tế gia đình, ảnh hưởng tới sự phát triển về thể chất, tinh thần và đạo đức - thẩm mỹ của các thành viên của nó)*” [8, tr.204 - 205].

Từ những quan niệm trên, có thể xác định gia đình là một tập hợp người gắn kết với nhau dựa trên hôn nhân và các quan hệ huyết thống cùng chung sống và có kinh tế chung. Đặc trưng của sinh hoạt gia đình là thực hiện những chức năng cơ bản quan trọng đối với xã hội, trước hết là chức năng tái tạo con người, sau đó là các chức năng kinh tế, giáo dục, tâm lý, tình cảm. Các hình thức và chức năng của gia đình là do tính chất của quan hệ sản xuất đang tồn tại, của quan hệ xã hội nói chung cũng như của trình độ phát triển văn hóa của xã hội quyết định. Sau đó, đến lượt mình, gia đình lại tác động trở lại đời sống xã hội bằng việc sinh con đẻ cái, lao động trong kinh tế gia đình.

Khái niệm văn hóa gia đình

Ở Việt Nam, những năm gần đây, khá nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa gia đình nhưng chưa đưa ra được một định nghĩa đầy đủ và một cách giải thích thuyết phục về khái niệm văn hóa gia đình. Tác giả Vũ Ngọc Khánh đã đề cập khái niệm văn hóa gia đình bằng cách liệt kê hàng loạt các yếu tố cơ bản được coi là thuộc về văn hóa gia đình như nền nếp và tập tục, gia phong

và triết lý gia phong, tôn giáo và tín ngưỡng dân gian, văn học, nghệ thuật [3, tr.12]. Trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, khái niệm này còn gây không ít tranh cãi vì nội hàm của nó trở nên quá rộng, có nguy cơ hàm chứa mọi vấn đề, các hiện tượng có liên quan đến gia đình thay vì văn hóa gia đình. Các tác giả khác quy văn hóa gia đình thành các giá trị, chuẩn mực tốt đẹp của đời sống gia đình mà mỗi thành viên trong gia đình phải chấp nhận tuân theo và có nghĩa vụ thực hiện. Cách tiếp cận này coi văn hóa gia đình là một mục tiêu tốt đẹp cần phải phấn đấu để đạt được ở trong mỗi gia đình. Ở đây văn hóa gia đình thuộc về phạm trù những cái đẹp, cái tốt, cái chuẩn mực đối lập với những cái ác, cái không tốt, cái lệch chuẩn.

Từ các cách tiếp cận trên có thể khái quát định nghĩa văn hóa gia đình là một tổng thể của rất nhiều hoạt động, các hoạt động ấy hướng đến cái chuẩn mực đạo đức tốt đẹp. Bởi vậy văn hóa gia đình không nằm ngoài kinh tế, chính trị, xã hội, nhưng chính nó lại có đời sống riêng của mình. Mục tiêu cao cả nhất của hoạt động văn hóa gia đình là vì con người, vì sự phát triển và hoàn thiện con người. Từ mục tiêu cao cả này cho thấy chức năng bao trùm nhất của văn hóa gia đình là chức năng giáo dục. Hay nói cách khác, chức năng tập trung của văn hóa gia đình là bồi dưỡng con người, hướng lý tưởng, đạo đức và hành vi của con người vào điều hay lẽ phải, theo những khuôn mẫu, chuẩn mực mà xã hội kỳ vọng. Mặt khác, chức năng giáo dục của văn hóa gia đình phải được thực hiện thông qua các chức năng khác: chức năng đảm bảo tính kế tục của lịch sử, chức năng nhận thức, chức năng thẩm mỹ, chức năng giải trí...

Khái niệm hội nhập quốc tế

Hội nhập quốc tế là một quy luật mang tính xu hướng thế giới, ngày càng diễn ra mạnh mẽ, nó mang đặc trưng của các mối quan hệ tương tác kinh tế, dân tộc giữa các quốc gia không ngừng tăng lên, nó rút ngắn khoảng cách

giữa các dân tộc trên thế giới. Hội nhập quốc tế đã tạo ra những mức độ trái ngược về văn hóa, xã hội giữa các quốc gia, giúp cho từng cá thể và dân tộc được tiếp cận với những nền văn hóa và văn minh khác nhau, đồng thời làm cho con người hiểu nhau hơn.

Ở Việt Nam, quan điểm về hội nhập quốc tế được thể hiện cụ thể trong Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị (năm 2013) có thể khái quát một số điểm chung nổi bật như sau:

Thứ nhất, hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Mọi cơ chế, chính sách phải phát huy tính chủ động, tích cực và khả năng sáng tạo của tất cả các tổ chức, cá nhân, khai thác hiệu quả các tiềm năng của toàn xã hội, của các tầng lớp nhân dân, bao gồm cả cộng đồng người Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực; gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, nâng cao sức mạnh tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia; gắn kết chặt chẽ với việc tăng cường mức độ liên kết giữa các vùng, miền, khu vực trong nước.

Thứ ba, hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh; kiên định lợi ích quốc gia, dân tộc; chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu; không tham gia vào các tập hợp lực lượng, các liên minh của bên này chống bên kia.

Như vậy, hội nhập quốc tế vừa là chính sách xã hội vừa là vấn đề mang tính quy luật. Nó biểu hiện ở các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, hội nhập quốc tế là thách thức đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

2.2. Sơ nét về người Chăm Balamôn ở Việt Nam

Quá trình hình thành và phát triển của người Chăm gắn với nền kinh tế nông nghiệp, bắt đầu từ khi hình thành vương quốc Champa vào khoảng đầu thế kỷ sau Công nguyên. Lúa gạo là nguồn lương thực duy nhất và quan trọng nhất phục vụ cho nhu cầu cuộc sống trong mọi tình huống. *“Vua cấp lương cho binh lính bằng thóc và việc dựng đền bao giờ cũng đi liền với yêu cầu cúng tặng ruộng đất, cũng nói lên địa vị đặc biệt của nông nghiệp trong đời sống kinh tế”* [4, tr.315]. Cùng với sự bắt đầu của hoạt động sản xuất nông nghiệp, các làng mạc và ngành nghề thủ công cũng dần xuất hiện. Người Chăm xưa đã biết chọn nơi thung lũng để làm nơi định cư lâu dài thay vì phải phiêu dạt nay đây mai đó. Những kinh đô cổ phát triển phồn vinh (gồm Indrapura (Quảng Bình – Thừa Thiên Huế), Amaravati (Quảng Nam), Vijaya (Bình Định), Kauthara (Phú Yên – Khánh Hòa), Panduranga (Ninh Thuận – Bình Thuận)) và các thánh địa tôn giáo của họ đã được dựng lên ở nhiều nơi trong dải đất Champa. Với vị trí địa lý thuận lợi buôn bán, giao thương với các nước láng giềng ở phương Đông. Vào thời kỳ đó, Ấn Độ là nền văn minh đã phát triển đỉnh cao và có quan hệ mật thiết với vương quốc Champa không chỉ về kinh tế, chính trị mà còn về văn hóa. Bằng đường biển, người Ấn Độ chủ yếu là thương gia buôn bán và đội ngũ chức sắc Balamôn đã nhập cư vào Champa. Ngay những buổi đầu dựng nước và giữ nước, đạo Balamôn đã ảnh hưởng lớn đến đường lối chính trị của Nhà nước Champa. Nhưng tôn giáo này theo thời gian đã được bản địa hóa, và từ đó đến nay nó đã trở thành một tôn giáo mang màu sắc tín ngưỡng dân gian của một đại bộ phận người Chăm ở Việt Nam.

Trước khi tiếp nhận tôn giáo Balamôn từ Ấn Độ truyền sang, người Chăm đã duy trì tín ngưỡng dân gian có từ lâu đời. Đặc trưng của nền kinh tế sản xuất nông nghiệp là phụ thuộc vào sức mạnh của thiên nhiên. Con người thờ

các vị thần nhằm phù hộ cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, mọi sinh vật được sinh sôi nảy nở, gia đình hạnh phúc. Cho đến nay người Chăm vẫn duy trì một số lễ tế thần núi, thần sông, thần biển, thần thổ địa, thần mặt trời, thần lửa...

So với Ấn Độ giáo thì Hồi giáo truyền vào cộng đồng người Chăm muộn hơn, kết quả đã hình thành một nhóm người Chăm theo đạo Hồi nhưng vẫn giữ một số nét truyền thống của tộc người nên được gọi là Chăm Bani. Đến nay, nhóm người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận chủ yếu theo đạo Balamôn và đạo Bani. Một số không nhiều vì lý do nào đó đã theo đạo khác. Việc theo một vị thần mới là bình thường và cần được tôn trọng, đảm bảo nhưng phải dựa trên nguyên tắc không đi ngược với thuần phong mỹ tục từ bao đời nay của người Việt nói chung và người Chăm nói riêng.

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2019, số lượng người Chăm ở các tỉnh/thành phố Việt Nam là 178.948 người, so với năm 2009 thì số lượng tăng lên 17.219 người. Kết quả điều tra cũng cho thấy, chia theo vùng thì phần lớn người Chăm tập trung ở Duyên hải miền Trung (136.812 người), vùng Đông Nam bộ (26.437 người), vùng Đồng bằng sông Cửu Long (13.170 người), vùng Tây Nguyên (2.211 người), vùng Đồng bằng sông Hồng (229 người), vùng Trung du và Miền núi phía Bắc (89 người). Như vậy, người Chăm hiện nay chủ yếu sinh sống ở khu vực duyên hải miền Trung, trong đó tập trung chủ yếu ở tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận [9, tr.43-58].

Người Chăm Balamôn ở tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận sớm có một nền văn hóa phát triển toàn diện, thể hiện ở ngôn ngữ và kiến trúc đền tháp khá hoàn chỉnh, vừa đa dạng phong phú do kết hợp của nhiều nguồn văn hóa khác nhau. Trong quá trình giao lưu và phát triển, người Chăm đã không ngừng đổi mới văn hóa để tạo nên bản lĩnh và bản sắc văn hóa của tộc người mình. Đây là một quá trình vừa bảo

lưu vừa hội nhập với các dân tộc anh em cùng cộng cư trên dải đất miền Trung nói riêng và các dân tộc khác trên toàn thế giới nói chung.

2.3. Quá trình hội nhập quốc tế tác động đến văn hóa gia đình người Chăm Balamôn ở Việt Nam hiện nay

“Văn hóa gia đình các dân tộc Việt Nam phần lớn theo dòng dõi phụ hệ, một số theo dòng dõi mẫu hệ gồm dân tộc Chăm, Ê Đê, Gia Rai, Raglai, Chu Ru” [7, tr.141]. Người Chăm hiện nay sống rải rác trên toàn quốc nhưng tập trung nhiều nhất ở các vùng duyên hải miền Trung. Chỉ riêng tại tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận đã chiếm 60% người Chăm ở Việt Nam và phần lớn theo đạo Balamôn cho nên thường gọi là Chăm Balamôn. Đạo Balamôn là một tôn giáo lớn ở Ấn Độ thời kỳ cổ đại và sau đó du nhập vào nhóm người Chăm ở Việt Nam. Sự du nhập đó không phải thụ động mà có sự chắt lọc phù hợp tín ngưỡng dân gian bản địa và phù hợp với truyền thống người Chăm vốn theo dòng dõi mẫu hệ [1, tr.249].

Văn hóa gia đình xây dựng trên quan hệ huyết thống mẫu hệ là văn hóa mà trong đó con cái sinh ra xác lập quan hệ huyết thống tính theo phía mẹ. Trong hệ thống mẫu hệ, con cái khi sinh ra mang tên họ mẹ nhưng chỉ có những người con gái mới được tiếp tục truyền tên họ lại cho con cái của họ. Người con trai trong dòng họ mẫu hệ chưa kết hôn thì vẫn sống chung với dòng họ của mình, đến khi lấy vợ phải về sống với vợ ở cùng nhà hoặc gần nhà với mẹ và nhóm mẫu hệ của mẹ, tạo nên một hình thức cư trú sau hôn nhân gọi là cư trú bên nhà vợ. Ngày nay, văn hóa gia đình người Chăm Balamôn có nhiều biến đổi để thích ứng với sự phát triển của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Hội nhập quốc tế là một xu thế tất yếu của mỗi quốc gia, dân tộc trên thế giới. Trong quá trình hội nhập quốc tế, xã hội Việt Nam đang chịu những tác động tích cực và tiêu cực về mặt kinh tế, văn hóa, xã hội. Gia đình là tế bào của

xã hội, tất yếu có những biến đổi khi xã hội đang thay đổi. Văn hóa gia đình, đặc biệt là văn hóa gia đình mẫu hệ người Chăm Balamôn đang tiếp thu nhiều giá trị văn hóa của các dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế. Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi tìm hiểu văn hóa gia đình người Chăm Balamôn được thể hiện ở các khía cạnh: Kinh tế, đời sống tinh thần, luật tục, lễ hội dân gian, tín ngưỡng, tôn giáo. Cụ thể như sau:

Quá trình hội nhập quốc tế tác động làm thay đổi hoạt động kinh tế của người Chăm Balamôn ở Việt Nam hiện nay: Văn hóa gia đình người Chăm truyền thống được hình thành trên cơ sở kết hợp giữa nền văn hóa bản địa nảy sinh từ xã hội dựa trên nền tảng của nền sản xuất nông nghiệp là chính với hệ thống tư tưởng tôn giáo Balamôn. Kinh tế truyền thống của người Chăm chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp với hoạt động trồng trọt, chăn nuôi kết hợp với nghề thủ công nghiệp. Quá trình hội nhập quốc tế theo chiều hướng thu hẹp quy mô sản xuất nông nghiệp, tăng sản xuất phi nông nghiệp đã tác động làm thay đổi văn hóa gia đình người Chăm Balamôn. Sự thay thế tất yếu của máy móc hiện đại trong một số khâu của trồng trọt cùng với đó là tỷ lệ tăng dân số tạo nên sức ép cơ hội việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp và ở khu vực nông thôn. Chính điều này dẫn đến xu hướng tìm kiếm các cơ hội việc làm phi nông nghiệp và ngoài không gian sinh kế truyền thống đang tăng lên nhanh chóng. Văn hóa gia đình người Chăm Balamôn cũng đang biến đổi trước tác động của sự thay đổi loại hình kinh tế từ nông nghiệp chuyển dần sang phi nông nghiệp. Đặc biệt là quá trình di cư cả ở trong và ngoài nước cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến mối quan hệ thân tộc, hôn nhân, gia đình và vấn đề tiếp nhận “văn hóa mới”. Sự lựa chọn của thế hệ người Chăm ở lại nơi quê cha đất tổ cũng bị ảnh hưởng rất nhiều. Sản phẩm thủ công nghiệp của người Chăm Balamôn vẫn có thị trường tiêu thụ đều đặn nhưng nghề này không phát triển

manh ở cộng đồng vì một số nguyên nhân chủ quan và khách quan. Vì tính chất của nghề đòi hỏi sự khéo léo, tỉ mỉ nên phù hợp với phụ nữ nhưng họ thường yếu nhanh do gặp phải những bệnh về chóng mặt, mờ mắt, mỏi vai, đau lưng, đau chân nên không thể tiếp tục công việc đặc biệt khi họ càng về già. Về khách quan, giới trẻ người Chăm không muốn học nghề vì tính chất công việc vất vả và đòi hỏi cần sự tỉ mỉ nhiều. Các thanh thiếu nữ Chăm có xu hướng thích chọn làm công nhân ở các nhà máy, xí nghiệp hơn được các thế hệ bà, mẹ của họ truyền cho nghề làm gốm, nghề dệt thổ cẩm để nối nghiệp. Điều này cho thấy sự phát triển của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đã và đang tác động ngày một sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống gia đình. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình đã có nhiều biến đổi tích cực, lợi ích cá nhân được tôn trọng, tính độc lập tự chủ, sáng tạo của mỗi thành viên được khuyến khích phát triển. Trong điều kiện của kinh tế thị trường, với sự tăng trưởng của kinh tế và sự tạo điều kiện tối đa cho sự phát triển toàn diện của cá nhân, cha mẹ có điều kiện, cơ hội hơn để thể hiện tình yêu thương, trách nhiệm của mình đối với con cái cả về vật chất lẫn tinh thần.

Quá trình hội nhập quốc tế tác động làm thay đổi đời sống tinh thần của người Chăm Balamôn ở Việt Nam hiện nay: Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình, ca múa, lễ hội, phong tục là những mảng hết sức quan trọng trong đời sống văn hóa sinh hoạt gia đình, cộng đồng. Nó thể hiện cảm xúc về cái đẹp với phong cách chung là mềm mại, dịu nhẹ và trầm lắng. Ca múa nhạc là loại hình nghệ thuật độc đáo gắn bó với người Chăm như hình với bóng trong lễ hội, ngày vui của cộng đồng. Mỗi nhạc cụ hoặc mỗi nhóm nhạc cụ lại gắn liền với từng lễ hội hoặc từng người hành lễ của một lễ hội cụ thể. Hay nói cách khác, nhạc cụ dân tộc gắn liền với con người đã sáng tạo và sử dụng nó. Về vấn đề này, một nhà nghiên cứu văn hóa Chăm nhận định rằng: “*Nhưng rất tiếc, ngày nay trong cộng*

đồng người Chăm, những nghệ nhân sử dụng nhạc cụ truyền thống dân tộc ngày một thưa dần, mà thế hệ kế tiếp lại không mấy ai quan tâm đến. Họ bị lôi cuốn theo lối sống hiện đại, say sưa với các nhạc cụ như Guitar, Organ...” [1, tr.350]. Điều này dẫn đến trong cộng đồng người Chăm ít ai còn nhắc đến nhạc cụ truyền thống dân tộc và nó dần trở thành một thứ hiện vật, cổ vật trưng bày trong bảo tàng.

Quá trình hội nhập quốc tế tác động làm thay đổi luật tục của người Chăm Balamôn ở Việt Nam hiện nay: Luật tục có vai trò quan trọng đối với việc ổn định nếp sống trong gia đình nhờ vào chế tài khen thưởng – xử phạt. Trong quan hệ hôn nhân và gia đình người Chăm Balamôn, sự hiện diện và hiệu lực thực tế của luật tục lại ngày càng mạnh mẽ hơn. Nhiều vụ ly hôn vẫn được giải quyết theo luật tục. Áp lực tinh thần của luật tục thường là bất khả kháng vì đó là áp lực tinh thần của cộng đồng lên cá nhân và là áp lực nội tại trong tinh thần của mỗi người Chăm Balamôn. Chồng lại luật tục thì chỉ cách bỏ làng, bỏ mồ mã tổ tiên, để lại tui nhục cho gia đình. Đó là điều mỗi thành viên trong cộng đồng Chăm Balamôn khó mà làm được. Luật tục là một khế ước tự nguyện của toàn thể dân làng Chăm. Nó gắn bó dân làng với nhau và điều tiết các trách nhiệm và quyền lợi của mọi thành viên nên có ý nghĩa trong việc bổ sung cho luật pháp khi cần xử lý những vấn đề rất cụ thể nảy sinh từ nếp sống đặc thù của người Chăm Balamôn. Chẳng hạn, nhiều vụ xử ly hôn căn cứ theo tập tục của đồng bào đã không đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người vợ, người chồng. Chính vì thế để bảo vệ công bằng, hợp lý trong việc xử ly hôn giữa vợ, chồng, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Nghị định 32 của Chính phủ quy định việc giải quyết ly hôn giữa vợ, chồng là Tòa án – Cơ quan duy nhất có thẩm quyền được xử ly hôn. Các Già làng, Trưởng bản, các vị chức sắc tôn giáo không có thẩm quyền được xử ly hôn giữa vợ, chồng mà quyền hạn của họ

(nếu có) chỉ đóng vai trò tham gia công tác hòa giải ở cấp cơ sở, nhưng việc hòa giải bắt buộc phải căn cứ trên những quy định của pháp luật hiện hành. Như vậy, luật tục bao hàm cả yếu tố tích cực và tiêu cực và phần nào phản ánh được ý thức xã hội của tộc người Chăm Balamôn.

Quá trình hội nhập quốc tế tác động làm thay đổi trong các lễ hội dân gian: Điều kiện thiên nhiên của dải đất duyên hải miền trung, nơi mà cư dân Chăm sinh sống vừa ưu ái vừa hà khắc, vừa êm ả lại vừa dữ dằn, tạo sự dung hòa mạnh hơn loại trừ. Công việc trồng lúa theo thời vụ đòi hỏi một nắng hai sương để kịp thời vụ, mặt khác lại tạo ra nhiều thời gian thảnh thơi, nông nhàn. Sau một vòng quay mùa vụ, mở hội làng là nhu cầu của người Chăm làm nông nghiệp, không chỉ đơn thuần là sự giải tỏa tâm linh mà còn là sự giải trí. Trong một chừng mực nhất định, sự giải trí ấy là cần thiết, bổ ích. Trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, việc lưu giữ và phát huy lễ hội văn hóa truyền thống của người Chăm càng được cộng đồng quan tâm. Quá trình hội nhập quốc tế tác động làm thay đổi trong các lễ hội dân gian theo hướng đơn giản hóa và người Chăm tập trung vào ba lễ lớn trong một năm. Lễ Bơ Katê, là một lễ hội truyền thống được tổ chức long trọng vào ngày 01-7 hằng năm theo lịch người Chăm, khoảng tháng 10 Dương lịch để bày tỏ sự tôn kính của cư dân với Trời (Cha), đã có công sinh ra vạn vật, thuộc về khí dương. Lễ Bơ Cabur được cử hành vào ngày 16-9 hằng năm theo lịch người Chăm, khoảng tháng 12 hoặc tháng 1 dương lịch có ý nghĩa bày tỏ sự tôn kính với Đất (Mẹ) – người đã nuôi nấng làm cho vạn vật sinh tồn và phát triển, thuộc về khí âm. Lễ Rija Nugar, cử hành nhằm ngày 10-02 hằng năm theo lịch người Chăm và kéo dài trong một thời gian khoảng 5 ngày liên tục, với ý nghĩa bày tỏ sự tôn kính đối với vị Thánh Mẫu Po Inur Nagar đã có công tạo dựng nước Champa cổ, được tôn vinh là Mẹ của xứ sở, sinh ra cây lúa và hướng dẫn cư dân trồng lúa, làm

thủy lợi và dệt vải... Sờ dĩ như vậy, vì lễ hội là dịp đoàn tụ đầy đủ của các thành viên trong gia đình, dòng họ sau những tháng ngày đi làm ăn xa, tính cổ kết cộng đồng được củng cố và lưu truyền nét đẹp văn hóa cho thế hệ mai sau.

Quá trình hội nhập quốc tế tác động làm thay đổi tín ngưỡng thờ Mẫu của người Chăm Balamôn ở Việt Nam hiện nay: Nữ thần Po Inur Nugar chính là biểu tượng linh thiêng nhất của người Chăm Balamôn về Mẹ. Trong tâm thức người Chăm Balamôn, nữ thần Po Inur Nugar hiện diện như một đấng sáng tạo tối cao sinh ra mọi thứ từ vũ trụ bao la đến đất đai, cây cối, lúa gạo và cả con người. Bà là Mẹ nữ thần xứ sở che chở cho người Chăm và giúp họ tồn tại. Cơ sở hình thành tín ngưỡng thờ Mẫu của người Chăm được bắt nguồn từ buổi bình minh lịch sử của loài người đã từng tồn tại một loại hình cộng đồng dựa trên chế độ mẫu quyền mà ở đó người phụ nữ - mẹ nắm quyền chi phối mọi hoạt động của cộng đồng. Ở thời kỳ đầu của công xã nguyên thủy, với trình độ thấp kém của lực lượng sản xuất, con người chưa tạo ra được một số của cải vật chất dư thừa đáng kể ngoài các chi phí thiết yếu để duy trì sức lao động. Con người trong cộng đồng được duy trì và phát triển đều do sự đóng góp công lao lớn của người phụ nữ, từ ngoài xã hội (nắm giữ dụng cụ lao động, tổ chức sản xuất, phân phối sản phẩm) đến trong gia đình (chăm sóc, giáo dục con cái). Chính những điều đó đã hợp thành cơ sở hiện thực của quyền thống trị của người phụ nữ ở mọi mặt đời sống trong thời nguyên thủy. Tuy nhiên, lịch sử đã chứng minh thực tế là sự phát triển cao hơn của nền sản xuất xã hội ở thời đại đồ kim loại đã tạo ra những biến đổi nhất định trong xã hội và do đó cũng làm thay đổi đáng kể địa vị của người phụ nữ. Kinh tế gia đình của người phụ nữ trở nên kém quan trọng hơn so với kinh tế chăn nuôi của đàn ông. Người đàn ông bắt đầu có nhận thức về sự mâu thuẫn giữa địa vị thấp kém của mình với công lao đóng góp ngày càng lớn của mình trong gia

đình và xã hội. Dần dần đàn ông làm những công việc chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp. Chính việc nam giới đảm nhiệm những công việc lao động sản xuất chủ yếu, phụ nữ giữ vai trò thứ yếu trong sản xuất đã làm thay đổi quan hệ trong gia đình. Cơ cấu tổ chức xã hội dựa trên chế độ mẫu quyền tỏ ra không còn phù hợp với phương thức sản xuất lúc bấy giờ, do đó cần thiết phải được thay thế bằng một cơ cấu tổ chức xã hội mới phù hợp hơn - cơ cấu tổ chức xã hội dựa trên chế độ phụ quyền. Sự chuyển biến từ chế độ mẫu quyền sang chế độ phụ quyền là một hiện tượng tất yếu của lịch sử loài người nói chung và người Chăm nói riêng. Trong gia đình người Chăm đã từ lâu đã không còn chế độ mẫu quyền, người Chăm chọn giữ lại dòng dõi mẫu hệ được xem như một nét đẹp truyền thống văn hóa của tộc người. Điều này thuộc về ý thức xã hội của tộc người, do đó, trong mọi hoàn cảnh gia đình mẫu hệ vẫn luôn tồn tại trong cộng đồng người Chăm. Ngay cả trong bối cảnh hiện nay, những thành tựu khoa học - kỹ thuật tác động mạnh mẽ đến mọi phương diện của đời sống xã hội. Những ưu thế về thể chất trong lao động đã từng là nguyên nhân căn bản để lý giải cho sự chuyển hóa quyền lực từ nữ giới sang nam giới sẽ ngày càng suy giảm. Vì thế, những cơ sở của sự phân biệt đối xử về giới cũng trở nên lung lay hơn bao giờ hết. Đối với các tộc người huyết thống tính theo dòng mẹ nói chung, người Chăm Balamôn nói riêng thì gia đình mẫu hệ là tiền đề thuận lợi để xây dựng bình đẳng giới trong gia đình hiện đại.

Quá trình hội nhập quốc tế tác động làm thay đổi tôn giáo của người Chăm Balamôn ở Việt Nam hiện nay: Bao trùm lên toàn bộ tiến trình lịch sử Champa là sự hỗn dung giữa tất cả các tôn giáo và giáo phái của Ấn Độ. Người Chăm tiếp nhận tất cả: Tính hung bạo và quyền lực của Siva giáo, tình thương của Visnu giáo và đức từ bi của Phật giáo. Tuy nhiên, nhiều trường hợp những yếu tố của tôn giáo Ấn Độ chỉ là cái hình thức bề ngoài của các tín ngưỡng

bản địa, chủ yếu là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ Mẹ của người Chăm. Đạo Balamôn là một trường hợp điển hình, nó là một dạng thức tôn giáo khá độc đáo, thể hiện ý thức về một sự bản địa hóa đối với sự tiếp nhận tôn giáo du nhập từ bên ngoài với văn hóa dân gian của tộc người Chăm. Nhận định của một nhà nghiên cứu về tín ngưỡng và tôn giáo Chăm cho rằng: *“Thực chất dân tộc Chăm không có tôn giáo điển hình, mà chỉ có tín ngưỡng mang tính chất tôn giáo thông qua các lễ nghi dòng tộc được lưu truyền qua nhiều thế hệ”* [1, tr.215]. Sở dĩ, văn hóa truyền thống của tộc người Chăm được duy trì từ thế hệ này sang thế hệ mai sau là nhờ văn hóa gia đình. Trong quá trình hội nhập và giao lưu văn hóa của các nước trên thế giới thông qua hoạt động trao đổi kinh nghiệm sản xuất, thăm quan du lịch thì văn hóa tộc người Chăm vẫn tồn tại một cách bền vững. Chính văn hóa gia đình đã tạo nên mối liên hệ bền vững nhất, nơi duy trì và lưu truyền những nét đặc trưng của văn hóa tộc người. Quá trình hội nhập quốc tế tác động đến quan niệm hôn nhân, từ chỗ cấm đoán hôn nhân khác tôn giáo nay cộng đồng người Chăm đã trở nên chấp nhận hôn nhân khác tôn giáo. Vai trò của đội ngũ chức sắc đóng vai trò lớn làm thay đổi nhận thức của tín đồ tôn giáo về hôn nhân. Từ chỗ không thể dung hòa được, ngày nay, chức sắc đã thẩm nhuần được tư tưởng tự do tôn giáo, bình đẳng giữa các tôn giáo. Nhờ vậy, những mâu thuẫn do sự khác biệt tôn giáo đã được giải quyết phần nào dựa trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau. Đây là một sự thay đổi tích cực trong nhận thức, góp phần thắt chặt tình đoàn kết giữa người Chăm khác tôn giáo, cùng chung sức phát triển kinh tế cải thiện đời sống. Trong gia đình, đôi trai gái người Chăm theo đạo Balamôn và đạo Bàni trở thành vợ thành chồng không còn là hiện tượng hiếm gặp. Những cuộc tranh chấp xảy ra giữa người Chăm Balamôn và Chăm Bàni đã giảm đi rất nhiều thay vào đó là những quan hệ thân thiết như thông gia với

nhau. Nhiều người Chăm Balamôn cho rằng, hôn nhân người Chăm thay đổi so với ngày xưa rất nhiều, làn sóng quan niệm khắt khe từng bước nhường chỗ cho mối quan hệ thân thiết dòng tộc bằng cách chấp nhận cuộc hôn nhân không cùng tôn giáo.

Trong thời đại ngày nay, không có một dân tộc nào có thể tách rời, sống biệt lập với thế giới. Riêng với văn hóa gia đình, tiến bộ của khoa học công nghệ thông tin lại càng đặt ra việc phát triển văn hóa gia đình người Chăm Balamôn không thể tách rời với văn hóa gia đình Việt Nam và thế giới. Một điều tất yếu là luôn mở rộng cửa đón nhận truyền thống văn hóa bốn phương, chắt lọc cái tốt, cái thích hợp để tiếp thu, loại bỏ cái xấu, không thích hợp. Vì thế, trong quá trình hội nhập quốc tế, nếu đánh mất bản sắc gia đình thì cũng mất văn hóa, và khi đã mất văn hóa thì cũng mất dân tộc. Mục tiêu của chúng ta là xây dựng một nền văn hóa gia đình vừa đa dạng, vừa thống nhất.

2.4. Một số giải pháp nhằm phát huy các giá trị văn hóa gia đình người Chăm Balamôn ở Việt Nam hiện nay

Có thể nói rằng một môi trường văn hóa lành mạnh phải bắt đầu từ chính trong gia đình, kể cả gia đình lớn và gia đình nhỏ. Nhưng trong bối cảnh đất nước đổi mới, mặt trái của cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế đã tác động tới mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có môi trường gia đình. Vì vậy, việc phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp để xây dựng văn hóa gia đình người Chăm Balamôn hiện đại là một nhiệm vụ cấp bách. Thiết nghĩ để làm được điều đó, cần triển khai thực hiện nhiều giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, giải pháp nâng cao nhận thức về hôn nhân và gia đình trong cộng đồng người Chăm Balamôn nhằm thích ứng với quá trình hội nhập quốc tế hiện nay. Giáo dục cho cộng đồng nhận thức đúng về cấu trúc gia đình truyền thống người Chăm Balamôn làm tiền đề thuận lợi để xây dựng bình đẳng giới trong gia

đình hiện đại; giáo dục đổi mới tư tưởng không có sự phân biệt giá trị giới tính ở cả trong gia đình người Chăm Balamôn và ngoài xã hội. Đồng thời, nâng cao dân trí, rút ngắn khoảng cách, mặt bằng về trình độ học vấn giữa đồng bào Chăm với người Kinh, từ đó mới nâng cao nhận thức, tạo cơ hội cho sự bình đẳng về mặt xã hội.

Thứ hai, giải pháp về cơ chế, chính sách nhằm phát huy nguồn lực từ gia đình đến cộng đồng người Chăm Balamôn. Trong những năm gần đây người Chăm mới bắt đầu phát triển du lịch, mà cách phát triển còn rất manh mún dẫn đến mất khách du lịch rất nhiều cho nên người Chăm chưa thể chú trọng phát triển những sản phẩm mang tính đặc thù của tộc người. Để tạo bước đột phá trong phát triển du lịch, thiết nghĩ, bản thân mỗi người Chăm phải tự ý thức được rằng các sản phẩm hiện nay không nằm ở ngoài chợ, trong các cửa hàng mà nó nằm ở trong tay các nghệ nhân. Ở tầm vĩ mô (quốc gia) cần có chiến lược tôn vinh, phát triển các khả năng của nghệ nhân để tạo ra những sản phẩm mà cha ông đã tích trữ nhiều năm. Chẳng hạn, Nhà nước xem xét đưa vào mục ngân sách chi thường xuyên hằng năm cho các nghệ nhân và hỗ trợ họ mở lớp dạy nghề. Cùng với đó là hỗ trợ mức phí tham gia bảo hiểm y tế, hỗ trợ khám chữa bệnh miễn phí tại các bệnh viện. Có như vậy, các nghệ nhân mới đủ nhiệt huyết để khởi nghiệp và phát triển sản phẩm truyền thống tộc người.

Thứ ba, giải pháp về giáo dục và đào tạo nhằm khắc phục cả hai hiện trạng hiện nay. Hiện trạng biểu hiện thứ nhất là “tha hóa” bản sắc và biểu hiện thứ hai là “cố chấp” bản sắc. Cả hai trường hợp đó đều dẫn đến hậu quả tiêu cực trong việc bảo vệ, phổ biến các giá trị truyền thống trong cộng đồng người Chăm, cũng như trong cuộc sống gia đình dưới tác động của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc Chăm, cần chú trọng

văn hóa kinh tế, văn hóa pháp quyền, văn hóa đạo đức, nhất là văn hóa trong gia đình, trong dòng họ để làm điểm tựa cho nền văn hóa hiện đại của dân tộc Chăm; Nâng cao nhận thức mỗi cá nhân về vai trò, tác dụng của giá trị văn hóa truyền thống và tầm quan trọng của việc giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống người Chăm trong hội nhập quốc tế; Kết hợp hài hòa giá trị truyền thống với giá trị hiện đại;... Bởi hệ giá trị văn hóa gia đình truyền thống người Chăm được hình thành, phát triển qua lịch sử hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước dân tộc Việt Nam. Hệ giá trị văn hóa gia đình đó cần được các thế hệ hôm nay và mai sau giữ gìn, phát triển bền vững.

3. KẾT LUẬN

Hội nhập quốc tế đã tạo nhiều cơ hội và điều kiện cho sự phát triển gia đình để đi tới

mục tiêu xây dựng gia đình hiện đại, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Đồng thời, cũng đặt gia đình và công tác gia đình trước nhiều khó khăn, thách thức. Đặc biệt, trong công tác xây dựng văn hóa gia đình cần tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục, kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình người Chăm Balamôn, gắn với xây dựng những giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh rằng: “*Rất quan tâm đến gia đình là đúng và nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình. Chính vì muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội mà phải chú ý hạt nhân cho tốt*” [6, tr.300].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Đức Hùng, Phan Quốc Anh, Võ Công Nguyên, Phú Văn Hân (Đồng Chủ biên, 2015), *40 năm nghiên cứu văn hóa Chăm*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [2] Trần Đình Hượu (1995), *Đến hiện đại từ truyền thống*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [3] Vũ Ngọc Khánh (2007), *Văn hóa gia đình Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [4] Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh (1983), *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Hoàng Nam (1998), *Bước đầu tìm hiểu văn hóa tộc người, văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [8] Rôdentan (Chủ biên, 1986), *Từ điển Triết học*, (Nxb Tiến bộ và Nxb Sự thật dịch), Nxb Tiến bộ, Matxcova.
- [9] Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.